TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 42/2023/DS-ST Ngày: 15 - 5 - 2023 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Trần Thị Thu Thảo.**
- Ông **Võ Văn Bằng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Chung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước: Không tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Trường T1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985 (có mặt). Địa chỉ: 117/9 Hoàng Việt, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T2, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Võ Thị Thanh T3, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1997

Địa chỉ: 412/4A – Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng Quí).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30-9-2022, nguyên đơn anh Lê Trường T1 trình bày:

Vào ngày 16/12/2020 tôi có cho chị Nguyễn Thị Mộng T2 mượn số tiền 400.000.000 đồng, có làm biên nhận và chị T2 có hứa với tôi là sẽ trả cho tôi số tiền 400.000.000 đồng trong vòng 04 tháng. Đến thời hạn trả nợ, tôi đã nhiều lần gặp chị T2 để yêu cầu chị T2 trả cho tôi số tiền 400.000.000 đồng, nhưng đến nay chị T2 vẫn không trả. Nay tôi yêu cầu chị T2 trả cho tôi số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T2 trình bày:*

Do trước đây tôi có quen biết và nhờ bà Võ Thị Thanh T3 (tên thường gọi là B) dẫn tôi đi mượn tiền của ông Nguyễn Văn H, địa chỉ xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang một số tiền, nhưng sau đó tôi không có khả năng trả lãi và nợ gốc cho ông H thì bà T3 (mẹ ruột của Lê Trường T1) địa chỉ xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang có mở lời nói với tôi là bà có biết chỗ này cho vay lãi suất thấp hơn để trả lại cho ông H, vì ông H Tính lãi suất cao. Do quá tin tưởng ở bà T3 cũng như trước đây tôi có ký những tờ biên nhận tiền vốn với ông H, tôi đều tin tưởng và giao cho bà T3 giữ. Lần này, tôi cũng nghe lời bà T3 mà viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 16/12/2020 với nội dung có mượn tiền của ông Lê Trường T1 để trả cho ông H. Nhưng thực tế tôi không hề gặp trực tiếp ông T1 và cũng không nhận tiền từ ông T1 lẫn bà T3 và không hề quen biết nhân chứng tên Lương Quốc T là ai.

Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu tôi trả cho ông số tiền vay 400.000.000 đồng, tôi không đồng ý. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Võ Thị Thanh T3 theo Bản tự khai 12/5/2023 và người đại diện ủy quyền của bà T3 trình bày: Vào ngày 16/12/2020 chị Nguyễn Thị Mộng T2 có hỏi vay tôi số tiền để trả cho người nào đó ở Mỹ Tho. Vì nghe T2 nói người ta cho vay lãi suất cao, chị T2 có tìm chỗ vay có lãi suất thấp hơn, nên tôi có giới thiệu cho con trai tôi cho chị T2 vay 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Chị T2 đồng ý nên T1 đã giao tiền đủ cho T2, chị T2 có viết giấy vay và ký tên đưa

giấy vay tiền cho T1 giữ bản chính. Nay chị T2 cho rằng, không biết T1 là ai trong khi T2 thường xuyên ghé nhà tôi chơi và gặp T1 là điều vô lý. Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của T1. Đáng lẽ, T2 phải trả lãi chậm trả, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên T1 không yêu cầu tính lãi. Chị T2 cho rằng tôi đưa chị T2 viết giấy vay và ký tên nhưng không đưa tiền là hoàn toàn sai sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Trường T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T2 phải trả cho anh T1 số tiền là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Không đồng ý cho chị T2 trả dần. Việc trả dần để khi quá trình Thi hành án các bên thương lượng sau.

- Bị đơn chị T2 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, chị không có nhận tiền vay của anh T1 nên không đồng ý trả. Quá trình tranh luận chị T2 trình bày chị không có chứng cứ gì chứng minh phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Người đại diện bà Võ Thị Thanh T3 thống nhất với yêu cầu của anh T1, không thống nhất với lời trình bày của chị T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", cần xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Anh T1 có cho chị T2 mượn số tiền 400.000.000 đồng, hứa hoàn trả trong vòng 04 tháng, chị T2 có viết biên nhận mượn tiền ngày 16/12/2020.

[2.2] Chị T2 không thừa nhận có nợ 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T2 thừa nhận có tự nguyện viết và ký nhận biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, không có sự ép buộc gì. Chị T2 khai, do tin tưởng bà T3 là mẹ của anh T1, nên viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 16/12/2020 với nội dung có mượn tiền của ông Lê Trường T1. Nhưng thực tế chị không hề gặp trực tiếp ông T1 và cũng không nhận tiền từ ông T1 lẫn bà T3. Tại phiên tòa, phía bà T3 khẳng định bà có giới thiệu chị T2 vay tiền của T1 là con trai bà. Việc chị T2 cho rằng bà đưa chị T2 viết giấy vay tiền, nhưng không nhận tiền là không đúng. Chị T2 không có

chứng cứ gì chứng minh là chị không có nợ số tiền 400.000.000 đồng theo biên nhận mà nguyên đơn cung cấp, phía anh T1 và bà T3 không thừa nhận. Quá trình tranh luận chị T2 trình bày chị không có chứng cứ gì chứng minh phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc xin trả dần của chị T2 không được phía nguyên đơn đồng ý.

Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị T2; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét về lãi suất: Tại phiên toà, phía anh T1 không yêu cầu chị T2 trả số tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T2 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 277, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trường T1.

Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T2 trả cho anh Lê Trường T1 số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)*.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị T2 phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003276 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo:

Anh T1, chị T2, bà T3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Toàn